

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2- PHÚ THỌ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2026

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Văn Tiềm và bà Bùi Thị Thu Thủy

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà Nguyễn Phương Thảo – Thư ký

Toà án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên tòa:*  
bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu A, xã B, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khắc T1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu A, xã B, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Khắc T1 tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2018 tại UBND xã B, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau. Hiện nay vợ chồng sống ly thân. Sau khi chị nộp đơn xin ly hôn, anh T1 đã bỏ nhà đi làm ăn xa. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/01/2019. Khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Khắc T1 không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có quan điểm trình bày nội dung vụ việc.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:**

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Anh T1 không đến Tòa án để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc T1

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 02/01/2019. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Về tài sản, nợ chung, công sức đóng góp: không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T chịu tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Khắc T1 là tranh chấp hôn nhân gia đình. Bị đơn (anh T1) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã B, tỉnh Phú Thọ, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Chị T vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). HĐXX căn cứ Khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 328 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T1, chị T là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Khắc T1 tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 10/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Phú Thọ, là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị T và anh T1

có xảy ra mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày, bất đồng quan điểm sống. Tại thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến Tòa án, anh T1 có cùng đến Tòa án và xác định anh không thuộc trường hợp trợ giúp pháp lý miễn phí. Điều đó chứng tỏ anh đã biết sự việc chị T có đề nghị Tòa án giải quyết việc xin ly hôn giữa chị T và anh T1. Tuy nhiên sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh T1 đã đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, anh T1 biết chị T xin ly hôn nhưng không có biện pháp hay giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương đã thông tin quá trình chị T và anh T1 có chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể vì lý do gì chính quyền địa phương và khu dân cư không nắm bắt được do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Từ đó có thể thấy, mâu thuẫn của chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần xử cho chị T được ly hôn anh T1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 02/01/2019. Hiện nay cháu N đang ở với chị T. Xét chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, anh T1 không có quan điểm. Hiện nay anh T1 đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Vì vậy, để đảm bảo cho cháu N ổn định cuộc sống, cần giao cháu N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị T xác định không có, không đề nghị giải quyết; anh T1 không có quan điểm. Vì vậy cần tách công nợ chung, công sức đóng góp giữa chị T và anh T1 không giải quyết tại vụ án này. Nếu các đương sự sau có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc T1.

Về con chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/01/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động được. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000945 ngày 02/02/2016 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị T, anh T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự”.*

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ
- VKSND khu vực 2- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ
- Phòng THADS Khu vực 2- Phú Thọ;
- UBND xã Bản Nguyên;
- (KH 10/01/2018 tại UBND xã Bản Nguyên)
- Đương sự;
- Lưu HSVA, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hà Thanh Loan**